

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 214/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29 – 6 – 2021
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Phước Tân;
2. Bà Dương Thị Thúy Duy.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Đỗ Ngọc Mai Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số:147/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 318/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 353/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Bích V, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ 10, ấp QH, xã QT, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Kiều Văn H, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ 25, ấp PH, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bà Nguyễn Bích V vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Kiều Văn H vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của bà Nguyễn Bích V; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Bích V và ông Kiều Văn H do mai mối nên quen biết và tiến đến hôn nhân vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang (theo bản sao Trích lục kết hôn số 781/TLKH-BS ngày 14/4/2021). Sau khi kết hôn thì bà V sống tại nhà ông H

khoảng 02 năm, khoảng thời gian này ông bà chung sống với nhau hạnh phúc, thỉnh thoảng bà V có mâu thuẫn với mẹ chồng. Đến năm 2013 thì bà V và ông H lên Bình Dương làm công nhân và khoảng thời gian này thì hai người phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà V và ông H chung sống với nhau đã lâu nhưng không có con, nên ông H và gia đình thường xuyên xúc phạm bà V, bản thân ông H khi say xỉn cũng có lời nói không tôn trọng bà V. Bên cạnh đó, do mai mối rồi chung sống mà không có thời gian tìm hiểu nên bà V và ông H tính tình không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Đến năm 2015 thì bà V và ông H sống ly thân cho đến nay, cắt đứt mọi liên lạc và không hàn gắn tình cảm. Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà V yêu cầu được ly hôn với ông H.

- Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Bà V khai không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập ông Kiều Văn H để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 06/ 5/2021 nhưng ông H vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông H, ông H cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án.

Ngày 06/5/2021, bà V có đơn yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ cần thiết cho việc giải quyết vụ án, yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu được vắng mặt khi vụ án được đưa ra xét xử do bà V hiện đi làm ăn xa, tình hình dịch bệnh Covid-19 phức tạp.

- Về tài liệu, chứng cứ:

Tài liệu, chứng cứ do bà V giao nộp: Bản chính Bản tự khai ngày 14/4/2021; bản sao Trích lục kết hôn số 781/TLKH-BS ngày 14/4/2021 của Ủy ban nhân dân xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang; Bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Bích V.

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản xác minh tại Công an xã PH, huyện An Phú ngày 01/6/2021.

Tại phiên tòa, do bà V và ông H cùng vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố lời trình bày của bà V, biên bản xác minh tại Công an xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Theo biên bản xác minh ngày 01/6/2021, đại diện Công an xã PH, huyện AP cho biết: Ông Kiều Văn H, sinh năm 1989 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Tổ 25, ấp PH, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang. Ông H và gia đình thường xuyên sinh sống tại địa phương.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Ông H vắng mặt lần thứ hai không lý do; bà V có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 207, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Theo trình bày của bà V và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà V và ông H đã đến mức trầm trọng, bà V và ông H sống ly thân nhau đã lâu, không hàn gắn tình cảm nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà V. Về tài sản chung và nợ chung, đương sự khai không có nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bị đơn ông Kiều Văn H đều vắng mặt không lý do; đồng thời, ông H đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Như vậy, ông H đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Nguyên đơn bà Nguyễn Bích V có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, vụ án được xem là không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Hôn nhân giữa bà Nguyễn Bích V và ông Kiều Văn H hình thành do mai mối và tiến đến hôn nhân vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang (theo bản sao Trích lục kết hôn số 781/TLKH-BS ngày 14/4/2021). Ông H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 25, ấp PH, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện AP, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Bích V và ông Kiều Văn H tiến đến hôn nhân vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang (theo bản sao Trích lục kết hôn số 781/TLKH-BS ngày 14/4/2021). Quá trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà V và ông H chung sống với nhau đã lâu nhưng không có con, nên ông H và gia đình thường xuyên xúc phạm bà V, bản thân ông H khi say xỉn cũng có lời nói không tôn trọng bà V. Bên cạnh đó, do mai mối rồi chung sống mà không có thời gian tìm hiểu nên bà V và ông H thường xuyên bất đồng quan điểm sống, tính cách vợ chồng không hòa hợp. Đến năm 2015 thì sống ly thân nhau cho đến nay, cắt đứt mọi liên lạc và không hàn gắn tình cảm. Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà V yêu cầu được ly hôn với ông H.

Nam nữ khi tiến đến hôn nhân đều hướng đến mục đích là xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững nhưng bà V và ông H đã sống ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay, không hàn gắn tình cảm. Điều đó cho thấy sự vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng giữa bà V và ông H. Cho nên, mâu thuẫn giữa bà V và ông H đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà V theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Bích V khai không có con chung, tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tuy nhiên nếu sau này ông H có yêu cầu về con chung, tài sản chung, nợ chung thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác:

Bà Nguyễn Bích V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; ông Kiều Văn H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà V và ông H có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Bích V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Bích V được ly hôn với ông Kiều Văn H.

2. Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác: Bà Nguyễn Bích V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà bà V đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0007087 ngày 20/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Ông Kiều Văn H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

3. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai vắng mặt bà Nguyễn Bích V và ông Kiều Văn H. Bà V và ông H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

4. Giấy chứng nhận kết hôn số 187 ngày 13/9/2013 (theo bản sao Trích lục kết hôn số 781/TLKH-BS ngày 14/4/2021) của Ủy ban nhân dân xã PH, huyện AP, tỉnh

An Giang cấp cho bà Nguyễn Bích V và ông Kiều Văn H không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- VKSND huyện An Phú (1);
- THADS huyện An Phú (1);
- UBND xã PH (01);
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Tuấn